

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

X. Lĩnh vực Tài nguyên nước:**1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp đã có giếng khai thác, vị trí khai thác không nằm trong vùng cấm khai thác, vùng hạn chế khai thác**

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Theo giấy hẹn người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để nhận kết quả giải quyết (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo mẫu (đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu phải có xác nhận của UBND phường).

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn $20\text{m}^3/\text{ngày}$ (theo mẫu).

+ Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000.

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước do cơ quan có thẩm quyền được cho phép đánh giá theo quy định của Nhà nước tại thời điểm đề nghị cấp phép.

+ Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép theo quy định pháp luật đất đai tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực).

+ Báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Lệ phí cấp giấy phép; Mức thu 100.000 đồng/giấy

+ Phí thẩm định đề án khai thác nước dưới đất; Mức thu 200.000 đồng/hồ sơ

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 05/NDD)

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 20m^3 / ngày

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 ngày 12 tháng 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng: (4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động...)

3.3. Vị trí công trình khai thác: (5)

3.4. Số giếng khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

..... (6)

.....

.....

Đề nghị xem xét, và cấp giấy phép hành nghề cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU LƯỢNG NHỎ HƠN 20m³/NGÀY****I. MỞ ĐẦU:**

1. Sơ lược về doanh nghiệp:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch; các phân xưởng; chi nhánh:
- Quyết định (Giấy phép) thành lập; đăng ký kinh doanh;
- Lĩnh vực hoạt động;

2. Trình bày sự cần thiết của việc khai thác nước:

- Nêu hiện trạng cấp nước trong khu vực;
- Nêu rõ lý do khai thác nước;
- Nêu rõ mục đích sử dụng nguồn nước khai thác (Trong đó cần nêu rõ: cấp nước dùng cho ăn uống sinh hoạt, sản xuất công nghiệp hay tưới ... Nếu dùng cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, dùng cho sản xuất thì nêu sản xuất công nghiệp gì, sản lượng bao nhiêu, cấp nước cho tưới tiêu thì diện tích tưới tiêu là bao nhiêu, loại cây gì ...)

- Tổng lưu lượng nước theo nhu cầu (m³/ngày hoặc m³/tháng)

- Số giờ bơm trong ngày;

- Yêu cầu chất lượng nước: sử dụng cho mục đích nào, theo tiêu chuẩn nào.

3. Các văn bản pháp lý cho phép xây dựng công trình khai thác nước (nếu có)

II. CÁC THÔNG TIN VỀ GIẾNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC NƯỚC

1. Địa chỉ vị trí giếng;

2. Số lượng giếng đề nghị cấp phép khai thác;

3. Kết cấu giếng khoan;

- Đường kính;
- Chiều sâu giếng;
- Kích thước và loại ống chống, ống lọc;
- Độ sâu đặt ống lọc;
- Mức nước hạ thấp;
- Loại máy bơm, công suất bơm.

III. CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHẪM BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Gắn đồng hồ lưu lượng và lập sổ theo dõi lưu lượng khai thác hàng tháng;
2. Thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước thải;
3. Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng hàng năm.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Địa tầng và cấu trúc giếng khoan đề nghị cấp phép.
- Kết quả phân tích chất lượng nước; thành phần lý hóa, vi sinh.
- Sơ đồ vị trí công trình

Đơn vị đề nghị cấp phép

2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp chưa có giếng khai thác, vị trí khai thác không nằm trong vùng cấm khai thác, vùng hạn chế khai thác

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp làm lại hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (theo mẫu) (đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu đề nghị có xác nhận của UBND phường).

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn $20\text{m}^3/\text{ngày}$ (theo mẫu).

+ Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000.

+ Bản sao có chứng thực Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của đơn vị thi công.

+ Hợp đồng thi công giữa đơn vị hành nghề khoan nước dưới đất và tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất của tổ chức cá nhân xin phép theo quy định pháp luật đất đai tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ 10 ngày đối với trường hợp phép thi công giếng khai thác;

+ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cấp giấy phép

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Phí thẩm định đề án khai thác nước dưới đất; Mức thu 200.000 đồng

+ Lệ phí cấp phép; Mức thu 100.000 đồng/giấy phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu số 05/NĐĐ)

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày (Mẫu 06/NĐĐ)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 3 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng: (4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động...)

3.3. Vị trí công trình khai thác: (5)

3.4. Số giếng khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

..... (6)

.....

Đề nghị xem xét, và cấp giấy phép hành nghề cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU LƯỢNG NHỎ HƠN 20m³/NGÀY**

I. MỞ ĐẦU:

1. Sơ lược về doanh nghiệp:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch; các phân xưởng; chi nhánh:
- Quyết định (Giấy phép) thành lập; đăng ký kinh doanh;
- Lĩnh vực hoạt động;

2. Trình bày sự cần thiết của việc khai thác nước:

- Nêu hiện trạng cấp nước trong khu vực;
- Nêu rõ lý do khai thác nước;
- Nêu rõ mục đích sử dụng nguồn nước khai thác (Trong đó cần nêu rõ: cấp nước dùng cho ăn uống sinh hoạt, sản xuất công nghiệp hay tưới... Nếu dùng cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, dùng cho sản xuất thì nêu sản xuất công nghiệp gì, sản lượng bao nhiêu, cấp nước cho tưới tiêu thì diện tích tưới tiêu là bao nhiêu, loại cây gì...)

- Tổng lưu lượng nước theo nhu cầu (m³/ngày hoặc m³/tháng)

- Số giờ bơm trong ngày;

- Yêu cầu chất lượng nước: sử dụng cho mục đích nào, theo tiêu chuẩn nào.

3. Các văn bản pháp lý cho phép xây dựng công trình khai thác nước (nếu có)

II. CÁC THÔNG TIN VỀ GIẾNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC NƯỚC

1. Địa chỉ vị trí giếng;

2. Số lượng giếng đề nghị cấp phép khai thác;

3. Kết cấu giếng khoan;

- Đường kính;
- Chiều sâu giếng;
- Kích thước và loại ống chống, ống lọc;
- Độ sâu đặt ống lọc;
- Mức nước hạ thấp;
- Loại máy bơm, công suất bơm.

III. CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHẪM BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Gắn đồng hồ lưu lượng và lập sổ theo dõi lưu lượng khai thác hàng tháng;
2. Thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước thải.
3. Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng hàng năm.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Địa tầng và cấu trúc giếng khoan đề nghị cấp phép
- Kết quả phân tích chất lượng nước; thành phần lý hóa, vi sinh.
- Sơ đồ vị trí công trình

Đơn vị đề nghị cấp phép

3. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp đăng ký gia hạn:

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (theo mẫu);

+ Giấy phép đã được cấp (bản chính);

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

+ Báo cáo việc thực hiện các quy định về khai thác, sử dụng nước dưới đất trong giấy phép (theo mẫu);

+ Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất của tổ chức cá nhân xin phép theo quy định pháp luật đất đai tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

+ Cấu trúc giếng khoan trong trường hợp thay đổi cấu trúc giếng;

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Phí thẩm định báo cáo khai thác nước dưới đất; Mức thu 100.000 đồng/hồ sơ

+ Lệ phí cấp phép; Mức thu 50.000 đồng/giấy phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-a/GĐNDD)

+ Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-b/GĐNDD)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

MẪU 02-a/GĐNDDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số

Ngày.....tháng.....năm..... Cơ quan cấp:

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

Thời hạn đề nghị gia hạn: tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)

Nội dung đề nghị điều chỉnh:

(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, phê duyệt đề
án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy
định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm 200.....

Chủ giấy phép

Mẫu số 02-b/GĐNDD

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
KHAİ THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép
khai thác nước dưới đất)*

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép:.....
- Giấy phép số:....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....
- Nêu sơ lược về công trình khai thác nước: vị trí công trình, tầng chứa nước khai thác, số giếng (hoặc hành lang/mạch lộ/hang động khai thác), tổng lượng nước khai thác, mục đích sử dụng....

Bảng tổng hợp các thông số của công trình khai thác nước như sau:

Số thứ tự	Số hiệu giếng	Tọa độ			Chiều sâu giếng (m)	Chiều sâu/chiều dài ống lọc (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất
		X	Y	Z					

2. Hiện trạng khai thác:

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m³/ngày, thực tế đang khai thác.....m³/ngày; chế độ khai thác.....giờ/ngày - mùa khô,.....giờ/ngày - mùa mưa...); hiện tại các giếng đạt.....% lưu lượng thiết kế... (kèm theo Bảng thống kê lưu lượng của từng giếng).
- Trong quá trình khai thác đã thay thế.....giếng, vị trí và tên giếng thay thế (nếu có).

3. Diễn biến mực nước:

Mức nước trung bình.... mét (mùa mưa),.....mét (mùa khô) và hiện tại là.....mét (kèm theo Bảng số liệu quan trắc mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng tính tới thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Diễn biến chất lượng nước:

Mô tả diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác.... các chỉ tiêu biến đổi (nếu có) kèm theo biểu phân tích chất lượng nước.

5. Diễn biến môi trường:

- Mô tả hiện trạng môi trường xung quanh khu vực công trình khai thác.... ảnh hưởng của việc khai thác nước đến môi trường như sụt lún đất, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm bản, ảnh hưởng đến mực nước của hồ, của các giếng xung quanh (mô tả rõ vị trí, quy mô, mức độ ảnh hưởng và hướng giải quyết - nếu có).

6. Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép:**7. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới:**

(Nêu rõ nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới; kế hoạch khai thác, sử dụng nước...)

8. Kiến nghị: Thời gian gia hạn/nội dung điều chỉnh....

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép.

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

4. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp thay đổi thời hạn:

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp làm lại hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (theo mẫu)

+ Giấy phép đã được cấp (bản chính).

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

+ Báo cáo việc thực hiện các quy định về khai thác, sử dụng nước dưới đất trong giấy phép (theo mẫu).

+ Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất của tổ chức cá nhân xin phép theo quy định pháp luật đất đai tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

+ Cấu trúc giếng khoan trong trường hợp thay đổi cấu trúc giếng.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp giấy phép; Mức thu 100.000 đồng/giấy

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-a/GĐNDD)

+ Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-b/GĐNDD)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

MẪU 02-a/GĐNDDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Chủ giấy phép:

1.1. (Tên chủ giấy phép)

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số

Ngày.....tháng.....năm..... Cơ quan cấp:

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:

(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, phê duyệt đề
án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy
định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm 200.....

Chủ giấy phép

Mẫu số 02-b/GĐNDD

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
KHAİ THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép
khai thác nước dưới đất)*

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép:.....
- Giấy phép số:....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....
- Nêu sơ lược về công trình khai thác nước: vị trí công trình, tầng chứa nước khai thác, số giếng (hoặc hành lang/mạch lộ/hang động khai thác), tổng lượng nước khai thác, mục đích sử dụng....

Bảng tổng hợp các thông số của công trình khai thác nước như sau:

Số thứ tự	Số hiệu giếng	Tọa độ			Chiều sâu giếng (m)	Chiều sâu/chiều dài ống lọc (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất
		X	Y	Z					

2. Hiện trạng khai thác:

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m³/ngày, thực tế đang khai thác.....m³/ngày; chế độ khai thác.....giờ/ngày - mùa khô,.....giờ/ngày - mùa mưa...); hiện tại các giếng đạt.....% lưu lượng thiết kế... (kèm theo Bảng thống kê lưu lượng của từng giếng).
- Trong quá trình khai thác đã thay thế.....giếng, vị trí và tên giếng thay thế (nếu có).

3. Diễn biến mực nước:

Mức nước trung bình.... mét (mùa mưa),.....mét (mùa khô) và hiện tại là.....mét (kèm theo Bảng số liệu quan trắc mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng tính tới thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Diễn biến chất lượng nước:

Mô tả diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác.... các chỉ tiêu biến đổi (nếu có) kèm theo biểu phân tích chất lượng nước.

5. Diễn biến môi trường:

- Mô tả hiện trạng môi trường xung quanh khu vực công trình khai thác.... ảnh hưởng của việc khai thác nước đến môi trường như sụt lún đất, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm bản, ảnh hưởng đến mực nước của hồ, của các giếng xung quanh (mô tả rõ vị trí, quy mô, mức độ ảnh hưởng và hướng giải quyết - nếu có).

6. Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép:**7. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới:**

(Nêu rõ nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới; kế hoạch khai thác, sử dụng nước...)

8. Kiến nghị: Thời gian gia hạn/nội dung điều chỉnh....

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép.

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

5. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép.

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2. Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3. Theo giấy hẹn nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (theo mẫu).

+ Giấy phép đã được cấp (bản chính).

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

+ Báo cáo việc thực hiện các quy định về khai thác, sử dụng nước dưới đất trong giấy phép (theo mẫu).

+ Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.

+ Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất của tổ chức cá nhân xin phép theo quy định pháp luật đất đai tại nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực).

+ Cấu trúc giếng khoan trong trường hợp thay đổi cấu trúc giếng.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, các nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Phí thẩm định điều chỉnh nội dung giấy phép; Mức thu 100.000 đồng/hồ sơ

+ Lệ phí điều chỉnh nội dung giấy phép; Mức thu 50.000 đồng/giấy phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-a/GĐNDD)

+ Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu 02-b/GĐNDD)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

MẪU 02-a/GĐNDDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

1. Chủ giấy phép:

1.1. (Tên chủ giấy phép)

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số

Ngày.....tháng.....năm..... Cơ quan cấp:

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:

(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, phê duyệt đề
án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy
định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm 200.....

Chủ giấy phép

Mẫu số 02-b/GĐNDD

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
KHAİ THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép
khai thác nước dưới đất)*

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép:.....
- Giấy phép số:....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....
- Nêu sơ lược về công trình khai thác nước: vị trí công trình, tầng chứa nước khai thác, số giếng (hoặc hành lang/mạch lộ/hang động khai thác), tổng lượng nước khai thác, mục đích sử dụng....

Bảng tổng hợp các thông số của công trình khai thác nước như sau:

Số thứ tự	Số hiệu giếng	Tọa độ			Chiều sâu giếng (m)	Chiều sâu/chiều dài ống lọc (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất
		X	Y	Z					

2. Hiện trạng khai thác:

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m³/ngày, thực tế đang khai thác.....m³/ngày; chế độ khai thác.....giờ/ngày - mùa khô,.....giờ/ngày - mùa mưa...); hiện tại các giếng đạt.....% lưu lượng thiết kế... (kèm theo Bảng thống kê lưu lượng của từng giếng).
- Trong quá trình khai thác đã thay thế.....giếng, vị trí và tên giếng thay thế (nếu có).

3. Diễn biến mực nước:

Mức nước trung bình.... mét (mùa mưa),.....mét (mùa khô) và hiện tại là.....mét (kèm theo Bảng số liệu quan trắc mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng tính tới thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Diễn biến chất lượng nước:

Mô tả diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác.... các chỉ tiêu biến đổi (nếu có) kèm theo biểu phân tích chất lượng nước.

5. Diễn biến môi trường:

- Mô tả hiện trạng môi trường xung quanh khu vực công trình khai thác.... ảnh hưởng của việc khai thác nước đến môi trường như sụt lún đất, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm bản, ảnh hưởng đến mực nước của hồ, của các giếng xung quanh (mô tả rõ vị trí, quy mô, mức độ ảnh hưởng và hướng giải quyết - nếu có).

6. Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép:**7. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới:**

(Nêu rõ nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới; kế hoạch khai thác, sử dụng nước...)

8. Kiến nghị: Thời gian gia hạn/nội dung điều chỉnh....

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép.

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

6. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác không vượt quá 20m³/ngày đêm (trường hợp đã có giếng khai thác)

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Công chức tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ viết biên nhận trao cho người nộp hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo mẫu (bản chính).

+ Đề án khai thác nước dưới đất với lưu lượng khai thác không vượt quá 20 m³/ngày đêm theo mẫu (bản chính).

+ Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

+ Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với trường hợp công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm

+ Quyền sử dụng đất nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của UBND phường (bản sao).

+ Kết quả phân tích đánh giá chất lượng nước giếng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc phòng thí nghiệm được cho phép đánh giá (bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:
 - * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện
 - * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có
 - * Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.
 - * Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc
- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép
- Lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp phép khai thác sử dụng nước dưới đất; Mức thu 100.000 đồng/lần cấp phép
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:
 - + Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu số 05/NDD)
 - + Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày (Mẫu số 06/NDD)
- + Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò khai thác nước dưới đất đối với công trình lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày đêm
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
 - + Vị trí giếng khai thác không nằm trong khu vực cấm và hạn chế khai thác
 - + Trừ các công trình khai thác để sản xuất các loại nước uống
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - + Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;
 - + Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;
 - + Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước.

+ Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

+ Chỉ thị số 02/2004/CT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất;

+ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

+ Thông tư Liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

+ Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

+ Công văn số 2910/TNMT-QLTN ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng: (4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động...)

3.3. Vị trí công trình khai thác: (5)

3.4. Số giếng khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

..... (6)

.....

Đề nghị xem xét, và cấp giấy phép hành nghề cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU LƯỢNG NHỎ HƠN 20m³/NGÀY**

I. MỞ ĐẦU:

1. Sơ lược về doanh nghiệp:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch; các phân xưởng; chi nhánh:
- Quyết định (Giấy phép) thành lập; đăng ký kinh doanh;
- Lĩnh vực hoạt động;

2. Trình bày sự cần thiết của việc khai thác nước:

- Nêu hiện trạng cấp nước trong khu vực;
- Nêu rõ lý do khai thác nước;
- Nêu rõ mục đích sử dụng nguồn nước khai thác (Trong đó cần nêu rõ: cấp nước dùng cho ăn uống sinh hoạt, sản xuất công nghiệp hay tưới ... Nếu dùng cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, dùng cho sản xuất thì nêu sản xuất công nghiệp gì, sản lượng bao nhiêu, cấp nước cho tưới tiêu thì diện tích tưới tiêu là bao nhiêu, loại cây gì ...)

- Tổng lưu lượng nước theo nhu cầu (m³/ngày hoặc m³/tháng)

- Số giờ bơm trong ngày;

- Yêu cầu chất lượng nước: sử dụng cho mục đích nào, theo tiêu chuẩn nào.

3. Các văn bản pháp lý cho phép xây dựng công trình khai thác nước (nếu có)

II. CÁC THÔNG TIN VỀ GIẾNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC NƯỚC

1. Địa chỉ vị trí giếng;

2. Số lượng giếng đề nghị cấp phép khai thác;

3. Kết cấu giếng khoan;

- Đường kính;
- Chiều sâu giếng;
- Kích thước và loại ống chống, ống lọc;
- Độ sâu đặt ống lọc;
- Mức nước hạ thấp;
- Loại máy bơm, công suất bơm.

III. CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHẪM BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Gắn đồng hồ lưu lượng và lập sổ theo dõi lưu lượng khai thác hàng tháng;

2. Thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước thải.

3. Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng hàng năm.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Địa tầng và cấu trúc giếng khoan đề nghị cấp phép
- Kết quả phân tích chất lượng nước; thành phần lý hóa, vi sinh.
- Sơ đồ vị trí công trình

Đơn vị đề nghị cấp phép

7. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác không vượt quá 20m³/ngày đêm (trường hợp chưa có giếng khai thác):

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Công chức tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ viết biên nhận trao cho người nộp hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, công chức tiếp nhận thông báo bằng văn bản yêu cầu người nộp hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (bản chính).

+ Thuyết minh mục đích khai thác, sơ đồ vị trí công trình (bản chính).

+ Bản vẽ sơ đồ vị trí giếng đề nghị cấp phép khai thác theo mẫu (bản chính).

+ Quyền sử dụng đất nơi đặt công trình khai thác hoặc văn bản thỏa thuận cho phép sử dụng đất có xác nhận của UBND địa phương (bản sao).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đã có giếng khai thác; Trường hợp chưa có giếng khai thác thì thời hạn cấp phép ra văn bản cho phép thi công giếng khai thác là mười (10) ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp phép khai thác sử dụng nước dưới đất; Mức thu 100.000đồng/lần cấp phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp phép khai thác nước dưới đất (Mẫu số 05/NĐĐ)

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày (Mẫu số 06/NĐĐ)

+ Hướng dẫn lập thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày đêm.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Chỉ thị số 02/2004/CT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

* Thông tư Liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Công văn số 2910/TNMT-QLTN ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi Trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng: (4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động...)

3.3. Vị trí công trình khai thác: (5)

3.4. Số giếng khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

..... (6)

.....

Đề nghị xem xét, và cấp giấy phép hành nghề cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU LƯỢNG NHỎ HƠN 20m³/NGÀY**

I. MỞ ĐẦU:

1. Sơ lược về doanh nghiệp:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch; các phân xưởng; chi nhánh:
- Quyết định (Giấy phép) thành lập; đăng ký kinh doanh;
- Lĩnh vực hoạt động;

2. Trình bày sự cần thiết của việc khai thác nước:

- Nêu hiện trạng cấp nước trong khu vực;
- Nêu rõ lý do khai thác nước;
- Nêu rõ mục đích sử dụng nguồn nước khai thác (Trong đó cần nêu rõ: cấp nước dùng cho ăn uống sinh hoạt, sản xuất công nghiệp hay tưới ... Nếu dùng cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, dùng cho sản xuất thì nêu sản xuất công nghiệp gì, sản lượng bao nhiêu, cấp nước cho tưới tiêu thì diện tích tưới tiêu là bao nhiêu, loại cây gì ...)

- Tổng lưu lượng nước theo nhu cầu (m³/ngày hoặc m³/tháng)

- Số giờ bơm trong ngày;

- Yêu cầu chất lượng nước: sử dụng cho mục đích nào, theo tiêu chuẩn nào.

3. Các văn bản pháp lý cho phép xây dựng công trình khai thác nước (nếu có)

II. CÁC THÔNG TIN VỀ GIẾNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC NƯỚC

1. Địa chỉ vị trí giếng;

2. Số lượng giếng đề nghị cấp phép khai thác;

3. Kết cấu giếng khoan;

- Đường kính;

- Chiều sâu giếng;

- Kích thước và loại ống chống, ống lọc;

- Độ sâu đặt ống lọc;

- Mức nước hạ thấp;

- Loại máy bơm, công suất bơm.

III. CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHẪM BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Gắn đồng hồ lưu lượng và lập sổ theo dõi lưu lượng khai thác hàng tháng;

2. Thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước thải;

3. Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng hàng năm.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Địa tầng và cấu trúc giếng khoan đề nghị cấp phép

- Kết quả phân tích chất lượng nước; thành phần lý hóa, vi sinh.

- Sơ đồ vị trí công trình

Đơn vị đề nghị cấp phép

8. Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất với lưu lượng khai thác không vượt quá 20 m³/ngày đêm

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Công chức tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn hoặc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất theo mẫu (bản chính).

+ Cấu trúc giếng khoan nếu có thay đổi, khoan giếng khác thay thế (bản chính).

+ Kết quả đánh giá chất lượng nước dưới đất tại giếng khoan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc phòng thí nghiệm được cho phép đánh giá tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (bản chính)

+ Bản vẽ sơ đồ vị trí giếng đề nghị cấp phép khai thác nếu có thay đổi, khoan giếng khác thay thế theo mẫu (bản chính).

+ Quyền sử dụng đất nơi đặt công trình khai thác hoặc các giấy thỏa thuận cho phép sử dụng đất nếu có thay đổi (bản sao).

+ Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất theo mẫu (bản chính)

+ Giấy phép cũ (bản chính)

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:
 - * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện
 - * Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có
 - * Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện
 - * Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc
- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép
 - Lệ phí (nếu có): Lệ phí gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; Mức thu 50.000 đồng/lần giấy phép
 - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:
 - + Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất (Mẫu số 02-a/GĐNDD)
 - + Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất) (Mẫu số 02-b/GĐNDD)
 - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có
 - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - * Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;
 - * Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;
 - * Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;
 - * Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Chỉ thị số 02/2004/CT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

* Thông tư Liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

* Quyết định số 17/2006/QĐ- UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành mức thu phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Công văn số 2910/TNMT-QLTN ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU 02-a/GĐNDDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Chủ giấy phép:

1.1. (Tên chủ giấy phép)

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số

Ngày.....tháng.....năm..... Cơ quan cấp:

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:

.....
.....

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: tháng/hoặc năm (nếu đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:

(nếu đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép)

4. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, phê duyệt đề
án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy
định của pháp luật có liên quan./.

.....ngày.....tháng.....năm 200.....

Chủ giấy phép

Mẫu số 02-b/GĐNDD

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
KHAİ THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép
khai thác nước dưới đất)*

1. Mở đầu:

- Tên chủ giấy phép:.....
- Giấy phép số:....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....
- Nêu sơ lược về công trình khai thác nước: vị trí công trình, tầng chứa nước khai thác, số giếng (hoặc hành lang/mạch lộ/hang động khai thác), tổng lượng nước khai thác, mục đích sử dụng....

Bảng tổng hợp các thông số của công trình khai thác nước như sau:

Số thứ tự	Số hiệu giếng	Tọa độ			Chiều sâu giếng (m)	Chiều sâu/chiều dài ống lọc (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất
		X	Y	Z					

2. Hiện trạng khai thác:

- Tổng lưu lượng khai thác theo giấy phép là.....m³/ngày, thực tế đang khai thác.....m³/ngày; chế độ khai thác.....giờ/ngày - mùa khô,.....giờ/ngày - mùa mưa...); hiện tại các giếng đạt.....% lưu lượng thiết kế... (kèm theo Bảng thống kê lưu lượng của từng giếng).
- Trong quá trình khai thác đã thay thế.....giếng, vị trí và tên giếng thay thế (nếu có).

3. Diễn biến mực nước:

Mức nước trung bình.... mét (mùa mưa),.....mét (mùa khô) và hiện tại là.....mét (kèm theo Bảng số liệu quan trắc mực nước tĩnh, mực nước động và lưu lượng tính tới thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Diễn biến chất lượng nước:

Mô tả diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác.... các chỉ tiêu biến đổi (nếu có) kèm theo biểu phân tích chất lượng nước.

5. Diễn biến môi trường:

- Mô tả hiện trạng môi trường xung quanh khu vực công trình khai thác.... ảnh hưởng của việc khai thác nước đến môi trường như sụt lún đất, gia tăng nhiễm mặn, nhiễm bản, ảnh hưởng đến mực nước của hồ, của các giếng xung quanh (mô tả rõ vị trí, quy mô, mức độ ảnh hưởng và hướng giải quyết - nếu có).

6. Tình hình thực hiện các trách nhiệm quy định trong giấy phép:**7. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới:**

(Nêu rõ nhu cầu nước hiện tại và trong thời gian tới; kế hoạch khai thác, sử dụng nước...)

8. Kiến nghị: Thời gian gia hạn/nội dung điều chỉnh....

.....ngày....tháng....năm.....

Chủ giấy phép.

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

9. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

Công chức tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất theo mẫu;

+ Thiết kế giếng thăm dò theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi thăm dò, hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò (bản sao có chứng thực).

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Phí thăm định thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất; Mức thu 200.000 đ.

+ Lệ phí cấp giấy phép; Mức thu 100.000 đ/giấy phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Mẫu 01/NĐĐ)

+ Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày đêm (Mẫu 04/NĐĐ)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 về mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu số 01/NDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép

1.1. Tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Lý do đề nghị cấp phép:

.....
.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích, quy mô thăm dò: (4)

3.2. Vị trí khu vực thăm dò: (5)

3.3 Diện tích thăm dò:km²

3.4. Tầng chứa nước thăm dò:

3.5. Thời gian thi công: tháng/năm.

3.6. Đơn vị lập đề án và dự kiến thi công: (6)

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

.....
..... (7)

Chúng tôi đã sao gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (8)

Đề nghị xem xét, phê duyệt đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho chúng tôi.

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung quy định trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngàythángnăm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư
cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

- (1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND tỉnh (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP);
- (2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép: đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, số Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày, tháng, năm thành lập, số và ngày cơ quan ký Quyết định thành lập hoặc số Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (3) Trụ sở của tổ chức hoặc nơi cư trú của cá nhân đề nghị cấp phép;
- (4) Nêu rõ mục đích thăm dò nước dưới đất: cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới, nuôi trồng thủy sản.....; lưu lượng khai thác dự kiến.....m³/ngày;
- (5) Ghi rõ thôn/ấp xã/phường..... huyện/quận..... tỉnh/thành phố....., tọa độ các góc diện tích khu vực thăm dò (theo hệ VN 2000);
- (6) Nêu rõ đơn vị dự kiến thi công thăm dò (đơn vị phải có giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất);
- (7) Ghi rõ các giấy tờ, tài liệu kèm theo hồ sơ;
- (8) Tổ chức/cá nhân gửi 1 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh/ thành phố nơi đặt công trình thăm dò khai thác nước (trường hợp cơ quan tiếp nhận là Cục Quản lý tài nguyên nước).

Ghi chú: Hồ sơ đề nghị cấp phép gửi tới Cục Quản lý tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh/thành phố (theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP).

(Tên tổ chức đề nghị cấp phép)

(Trang bìa trong)

**THIẾT KẾ
GIẾNG THĂM DÒ - KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

..... (1)
(đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm)

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
ký, (đóng dấu nếu có)

Đơn vị thiết kế
ký, đóng dấu

....., tháng năm 200...

(1) ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng giếng thiết kế

Mở đầu:

Nêu tên tổ chức/cá nhân xin phép thăm dò, khai thác nước dưới đất; lý do thiết kế giếng và xin phép thăm dò, khai thác nước dưới đất (*yêu cầu nước của tổ chức/cá nhân xin phép, hiện trạng hệ thống cấp nước trong khu vực, hiện trạng nguồn nước mặt, nguồn nước dưới đất và hiện trạng khai thác, sử dụng nước trong khu vực....*); tên tổ chức/cá nhân thiết kế và thi công lắp đặt giếng...

I. Lựa chọn nguồn nước:

1. Cơ sở chọn tầng chứa nước dự kiến thăm dò - khai thác: (*Nêu sơ lược đặc điểm nguồn nước dưới đất, các tầng chứa nước trong khu vực; hiện trạng các giếng khai thác trong khu vực: chiều sâu giếng, đặc điểm chất lượng nước, cột địa tầng giếng khai thác trong khu vực (nếu có).*)

2. Dự kiến vị trí giếng thăm dò - khai thác: (*vị trí giếng, tọa độ, khoảng cách đến các giếng gần nhất, các nguồn gây nhiễm bản (nếu có)...*).

II. Thiết kế giếng thăm dò - khai thác:

1. Tính toán, lựa chọn đường kính giếng thăm dò - khai thác, lựa chọn đường kính lỗ khoan.

2. Lựa chọn cấu trúc giếng:

- Đường kính, chiều dài các đoạn ống chống, ống lọc:

- Loại ống chống, ống lọc (*ống thép thông thường, Inox, nhựa... Riêng đối với ống nhựa cần phải nêu rõ chiều dài thành ống, loại ống, nơi sản xuất*).

- Vật liệu chèn và quy trình chèn, trám xung quanh giếng khoan.

3. Phương pháp khoan, trình tự khoan: (*mô tả trình tự, phương pháp khoan thăm dò, khoan doa mở rộng đường kính....*).

4. Phương pháp, trình tự kết cấu giếng khai thác và phát triển giếng:

III. Bơm hút nước:

1. Bơm rửa: (*loại máy bơm, công suất; thời gian bơm...*)

2. Bơm thí nghiệm: (*loại máy bơm, công suất máy bơm, thời gian bơm, thời gian quan trắc mực nước, lưu lượng, chế độ quan trắc....*)

IV. Lấy mẫu và phân tích mẫu nước:

- Số mẫu, loại mẫu và chỉ tiêu phân tích.....

V. Thời gian, tiến độ thực hiện:**VI. Dự toán kinh phí thực hiện:**

Bảng dự toán khối lượng và kinh phí

Các phụ lục kèm theo:

1. Sơ đồ bố trí giếng thăm dò - khai thác tỷ lệ 1:5.000 - 1:10.000

2. Hình vẽ cột địa tầng và thiết kế giếng thăm dò - khai thác nước dưới đất.

10. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

Công chức tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo mẫu (đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu phải có xác nhận của UBND phường - xã, thị trấn).

+ Đề án khai thác nước dưới đất (theo mẫu)

+ Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000.

+ Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với trường hợp công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm hoặc báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động.

+ Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm đề nghị cấp phép.

+ Bản sao giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt giếng khai thác (có chứng thực)

+ Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thỏa thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức,

cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được UBND phường nơi đặt công trình xác nhận.

* Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường nơi tổ chức, cá nhân có đất tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

- Lệ phí (nếu có):

+ Phí thẩm định: Mức thu 200.000 đ.

+ Lệ phí cấp giấy phép: Mức thu 100.000 đồng/giấy phép

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp phép khai thác nước dưới đất (mẫu số 05/NDD).

+ Đề án khai thác nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 20m³/ngày (Mẫu số 06/NDD)

+ Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm

+ Hướng dẫn lập báo cáo khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp đang khai thác nước dưới đất nhưng chưa có giấy phép)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 1998, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999;

* Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 06 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2007 về mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất;

* Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định hạn chế cấm khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

* Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu phí thăm định hồ sơ và lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu số 05/NĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/ cá nhân đề nghị cấp phép: (2)

1.2. Địa chỉ: (3)

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp phép:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Mục đích khai thác, sử dụng: (4)

3.2. Tầng chứa nước khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động...)

3.3. Vị trí công trình khai thác: (5)

3.4. Số giếng khai thác: (hoặc số mạch lộ/hành lang/hang động khai thác)

3.5. Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

3.6. Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

4. Giấy tờ tài liệu nộp theo đơn này gồm có:

..... (6)

.....

.....

Đề nghị xem xét, và cấp giấy phép hành nghề cho

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung trong giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan./.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của UBND phường, xã
(đối với tổ chức/cá nhân không có tư cách pháp nhân và con dấu)

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên, (đóng dấu nếu có)

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU LƯỢNG NHỎ HƠN 20m³/NGÀY**

I. MỞ ĐẦU:

1. Sơ lược về doanh nghiệp:

- Tên:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch; các phân xưởng; chi nhánh:
- Quyết định (Giấy phép) thành lập; đăng ký kinh doanh;
- Lĩnh vực hoạt động;

2. Trình bày sự cần thiết của việc khai thác nước:

- Nêu hiện trạng cấp nước trong khu vực;
- Nêu rõ lý do khai thác nước;
- Nêu rõ mục đích sử dụng nguồn nước khai thác (Trong đó cần nêu rõ: cấp nước dùng cho ăn uống sinh hoạt, sản xuất công nghiệp hay tưới ... Nếu dùng cho ăn uống sinh hoạt thì cấp cho bao nhiêu người, dùng cho sản xuất thì nêu sản xuất công nghiệp gì, sản lượng bao nhiêu, cấp nước cho tưới tiêu thì diện tích tưới tiêu là bao nhiêu, loại cây gì ...)

- Tổng lưu lượng nước theo nhu cầu (m³/ngày hoặc m³/tháng)

- Số giờ bơm trong ngày;

- Yêu cầu chất lượng nước: sử dụng cho mục đích nào, theo tiêu chuẩn nào.

3. Các văn bản pháp lý cho phép xây dựng công trình khai thác nước (nếu có)

II. CÁC THÔNG TIN VỀ GIẾNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC NƯỚC

1. Địa chỉ vị trí giếng;

2. Số lượng giếng đề nghị cấp phép khai thác;

3. Kết cấu giếng khoan;

- Đường kính;
- Chiều sâu giếng;
- Kích thước và loại ống chống, ống lọc;
- Độ sâu đặt ống lọc;
- Mức nước hạ thấp;
- Loại máy bơm, công suất bơm.

III. CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN NHẪM BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Gắn đồng hồ lưu lượng và lập sổ theo dõi lưu lượng khai thác hàng tháng;
2. Thiết kế các biện pháp tiêu thoát nước thải;
3. Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và bơm rửa giếng hàng năm.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Địa tầng và cấu trúc giếng khoan đề nghị cấp phép.
- Kết quả phân tích chất lượng nước; thành phần lý hóa, vi sinh.
- Sơ đồ vị trí công trình.

Đơn vị đề nghị cấp phép

PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI QUẬN - HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

XI. Lĩnh vực Môi trường

1. Đăng ký và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Thực hiện đầy đủ những nội dung trong hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người đến nộp làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Theo giấy hẹn người nộp hồ sơ nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu (01 bản chính).

+ Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án được đóng thành quyển gáy cứng có chữ ký, họ tên, chức danh của chủ dự án và đóng dấu ở trang phụ bìa của từng bản theo mẫu (05 bản chính).

+ Bản báo cáo đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc phương án sản xuất, kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của dự án (01 bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 5 (năm) ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Cấu trúc và yêu cầu về nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường

+ Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

+ Mẫu bì và trang phụ bì của bản cam kết bảo vệ môi trường

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và các đối tượng khác không thuộc quy định phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo phụ lục của

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường, năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 28

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG
(Ban hành kèm Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Tên dự án: (Đúng như tên trong báo cáo điều chỉnh đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2 Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.3 Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.4 Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.5 Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số fax, E-mail)

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Chỉ mô tả lại địa điểm thực hiện Dự án theo quy định như đối với bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của Dự án khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án chịu ảnh hưởng trực tiếp của Dự án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN:

3.1 Những thay đổi về quy mô/công suất sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc của dự án điều chỉnh kèm theo tình trạng của chúng.

3.2 Những thay đổi về nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp; nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

IV. THAY ĐỔI VỀ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

V. THAY ĐỔI VỀ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

VI. THAY ĐỔI KHÁC**VII. CAM KẾT THỰC HIỆN**

Cam kết về thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực khác nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 29**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư điều chỉnh/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;

- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án bằng tiếng Việt.

- 01 (một) bản sao bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó kèm theo 01 (một) bản sao (được chứng thực theo quy định của pháp luật) của Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường này.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... xem xét, đăng ký và cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận; (4) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

Phụ lục 25

**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Thông tư 08/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006
của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh
giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)*

AAA ... (tên cơ quan chủ quan/phê duyệt dự án) ... AAA

BBB... (tên cơ quan chủ dự án) ...BBB**BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN

.....

CƠ QUAN/doanh nghiệp CHỦ DỰ ÁN (*)

(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ
tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (*)

LẬP BẢN CAM KẾT (nếu có)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ
tên, đóng dấu)

(Địa danh), tháng năm 20...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bìa

2. Xác nhận bằng đăng ký cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường bổ sung.

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần và sáng thứ 7)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung theo mẫu (01 bản).

+ Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận trước đó (01 bản sao);

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận trước đó (01 bản sao có chứng thực);

+ Một trong các tài liệu có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của chủ dự án như sau:

• Bản dự thảo báo cáo đầu tư điều chỉnh

• Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh

• Phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh

• Tài liệu tương đương của dự án.

+ Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (tùy thuộc vào số lượng bản cam kết bảo vệ môi trường trước đây đã được xác nhận) theo mẫu

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ môi trường hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, các nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định

+ Cấu trúc và yêu cầu về nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung theo mẫu quy định

+ Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung cho chủ dự án

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường. năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật bảo vệ môi trường.

* Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường về hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 29**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư điều chỉnh/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;

- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án bằng tiếng Việt.

- 01 (một) bản sao bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó kèm theo 01 (một) bản sao (được chứng thực theo quy định của pháp luật) của Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường này.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... xem xét, đăng ký và cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận; (4) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

PHỤ LỤC 28

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG
(Ban hành kèm Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Tên dự án: (Đúng như tên trong báo cáo điều chỉnh đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2 Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.3 Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.4 Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án:

1.5 Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số fax, E-mail)

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Chỉ mô tả lại địa điểm thực hiện Dự án theo quy định như đối với bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của Dự án khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án chịu ảnh hưởng trực tiếp của Dự án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN:

3.1 Những thay đổi về quy mô/công suất sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc của dự án điều chỉnh kèm theo tình trạng của chúng.

3.2 Những thay đổi về nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp; nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

IV. THAY ĐỔI VỀ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

V. THAY ĐỔI VỀ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

VI. THAY ĐỔI KHÁC**VII. CAM KẾT THỰC HIỆN**

Cam kết về thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực khác nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 30**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

... (1) ...

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

của Dự án: "... (2) ..."

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số ... /2008/TT-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ ... (3) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1) ...;

Căn cứ Văn bản ... (*) ... về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường

...;

Theo đề nghị của Ông (Bà) ... (4) ...,

... (1) ... XÁC NHẬN**Điều 1.** Chủ dự án là ... (5) ... đã có Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án "... (2) ...".**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. ...

2. ...

3. ...

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án, những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này và bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số ... (6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.**Điều 4.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký và đi kèm Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số... (6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án./.**... (8) ...**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ dự án;

- Lưu ...

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1);
- (4) Người đứng đầu tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (5) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (6) Ký, mã hiệu của giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;
- (7) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã ký giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;
- (8) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (*) Tên đầy đủ của văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền ủy quyền cho (1) tổ chức xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

3. Xác nhận bằng đăng ký cam kết bảo vệ môi trường trường hợp xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường mới.

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (01 bản);
+ Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án được đóng thành quyển gáy cứng theo mẫu (05 bản) như sau:

- Cấu trúc và yêu cầu về nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường
- Trang bìa theo Phụ lục 26

+ Bản báo cáo đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của dự án (01 bản)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ môi trường hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, các nhân có đất tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định

+ Cấu trúc và yêu cầu về nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định

+ Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường cho chủ dự án

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Phụ lục 24
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
 bản cam kết bảo vệ môi trường
 của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), Chủ Dự án: (2)

- Địa điểm thực hiện Dự án:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

Xin gửi đến (3) những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc báo cáo đầu tư của Dự án);

- 03 (ba) bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... xem xét, đăng ký và cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án.

Chủ Dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ của dự án;

(3) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký;

CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. Tên Dự án: (đúng như tên trong báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)
- 1.2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...
- 1.3. Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...
- 1.4. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...
- 1.5. Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số fax, e-mail ...).

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông ...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử ...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. QUY MÔ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

IV. NHU CẦU NGUYÊN, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.
- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

5.1. Các loại chất thải phát sinh

- 5.1.1. Khí thải: ...
- 5.1.2. Nước thải: ...
- 5.1.3. Chất thải rắn: ...
- 5.1.4. Chất thải khác: ...

(Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần)

5.2. Các tác động khác:

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

6.1. Xử lý chất thải:

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

6.2. Giảm thiểu các tác động khác:

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

VII. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

7.1. Các công trình xử lý môi trường:

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

7.2. Chương trình giám sát môi trường:

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

VIII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 26

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 08/2006/TT-BYNNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án(2).....
.....(3).....

XÁC NHẬN

Điều 1. Ngày.....tháng.....năm..... Chủ dự án là(4).....đã có Văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án.....(2).....

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

TM.....(5).....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ Dự án;

-

- Lưu.....

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của Dự án;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xác nhận;
- (4) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (5) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Phụ lục 25**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Thông tư 08/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006
của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh
giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường)*

AAA ... (tên cơ quan chủ quan/phê duyệt dự án) ... AAA

BBB... (tên cơ quan chủ dự án) ... **BBB**

**BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN

.....

**CƠ QUAN/doanh nghiệp
CHỦ DỰ ÁN (*)**
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ
tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN TƯ VẤN (*)
LẬP BẢN CAM KẾT**
(nếu có)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ
tên, đóng dấu)

(Địa danh), tháng năm 20...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì

4. Xác nhận, đăng ký đề án bảo vệ môi trường đối với trường hợp không lấy mẫu phân tích chất thải để kiểm chứng

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường (theo mẫu) (01 bản);

+ Đề án bảo vệ môi trường đóng thành quyển (theo mẫu) (03 bản) kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của tổ chức cá nhân và đóng dấu ở trang phụ bì;

+ Một (01) bản sao của một trong các loại giấy tờ như: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác.

+ Một (01) bản sao báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt (đóng cuốn, có đầy đủ chữ ký của cá nhân, tổ chức và đóng dấu).

+ Trường hợp hồ sơ đề án bảo vệ môi trường, cần bổ sung, hoàn chỉnh, tổ chức, cá nhân phải tiến hành việc chỉnh sửa theo kết luận của đoàn kiểm tra. Sau khi hoàn chỉnh nộp cho cơ quan xác nhận gồm ba (03) bản và kèm theo một (01) bản được ghi

trên đĩa CD. Thời gian hoàn chỉnh đề án bảo vệ môi trường không tính vào thời gian xác nhận.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường nơi tổ chức, cá nhân có đất tọa lạc

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường

+ Đề án bảo vệ môi trường

+ Giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường và đóng dấu mặt sau trang phụ bì

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường và Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Thông tư 04/2008/TT-BTNMT về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 3**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT, XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của "... (2)..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ cơ sở/khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- Đề án bảo vệ môi trường (số lượng bản Đề án bằng tiếng Việt được quy định tại mục 2, phần II, Thông tư này);
- 01 (một) bản sao: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;
- Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: cơ sở/khu ... của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

PHỤ LỤC 4**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ, IN HOA, KHÔNG ĐẬM)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ (IN HOA, ĐẬM)**

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỦA “CƠ SỞ/ KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ”

CHỦ CƠ SỞ/KHU SX, KD, DV (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (*)
(nếu có)

(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), tháng ... năm 200...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì

PHỤ LỤC 2.**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

Chương 1. Sơ lược về tình hình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**1. Các thông tin chung:**

Nêu chi tiết: Tên cơ sở; Địa chỉ; toạ độ địa lý; Số điện thoại, Fax; Cơ quan chủ quản; Loại hình doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, nước ngoài, liên doanh...)

2. Tóm tắt quá trình và hiện trạng hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan đến: Loại hình sản xuất; Công nghệ sản xuất; Tình trạng thiết bị hiện nay (công nghệ mới, cũ, lạc hậu,...); Hóa chất sử dụng (chủng loại, khối lượng...); Nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nhiên liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (nước giếng khoan, nước bề mặt, nước máy,... m³/ngày); Sản phẩm và công suất hoạt động/công suất thiết kế; Năm đơn vị đi vào hoạt động; Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ đồ vị trí; Số lượng cán bộ công nhân viên sản xuất; Các thông tin khác (nếu có).

Chương 2. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính phát sinh từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Việc đo đạc, phân tích mẫu chất thải để lập đề án bảo vệ môi trường phải tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường và do đơn vị có chức năng và có phòng thí nghiệm môi trường thực hiện. Đối với các địa phương có phòng thí nghiệm môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế theo ISO/IEC 17025, VILAS hoặc QUARCT thì sử dụng các phòng thí nghiệm này để đảm bảo tính chính xác của số liệu quan trắc.

1. Đối với nước thải:

Nêu chi tiết về hiện trạng xả, thải: lượng nước thải (m³/ngày), nguồn phát sinh, nguồn tiếp nhận nước thải, hệ thống xử lý nước thải (quy trình công nghệ, công suất thiết kế,...), kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Nếu cơ sở thải nước thải vào ao, hồ không chống thấm trong khuôn viên hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì lấy mẫu nước thải trước khi xả vào ao hồ đó để đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn thải. Đồng thời lấy mẫu tại các ao, hồ tiếp nhận nước thải đó để đánh giá mức độ gây ô nhiễm đối với môi trường của nguồn thải.

2. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thống kê đầy đủ các loại chất thải gồm:

- Các loại chất thải rắn: chủng loại, khối lượng: công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; các biện pháp xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Các loại chất thải nguy hại: chủng loại, số lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; các biện pháp xử lý khác (nếu có).

3. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Các nguồn phát sinh khí thải và các biện pháp xử lý khí thải:

Kết quả phân tích nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Các nguồn thải khác (nếu có)

Việc đánh giá kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường quy định tại các mục 1, 2, 3 và 4 Chương 4 đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Chương 3. Các giải pháp tổng thể, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện trong quá trình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường sẽ thực hiện bổ sung và kế hoạch xây lắp hoặc lắp đặt công trình xử lý đó (nếu có hoặc phát sinh chất thải gây ô nhiễm):

3.1. Hệ thống xử lý nước thải (có thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý nước thải nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý nước thải).

3.2. Hệ thống xử lý khí thải (có thiết kế hệ thống xử lý khí thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý khí thải nhằm đảm bảo quy chuẩn môi trường cho phép và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý khí thải).

3.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại. Kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn (theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn) và chất thải nguy hại (theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (có thiết kế hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung hoặc thiết bị, công trình hợp khối để giảm thiểu tiếng ồn độ rung và kế hoạch thực hiện; các trang bị bảo hộ lao động...);

3.5. Kế hoạch ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu nếu có (theo quy định tại Quyết định 103/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó dầu tràn).

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Tùy theo quy mô, loại hình sản xuất của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chương trình quản lý môi trường sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể:

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, bao gồm: tổ chức và nhân sự cho quản lý môi trường; quản lý chất thải, kể cả chất thải nguy hại; phòng, chống sự cố môi trường (trừ nội dung về phòng cháy, chữa cháy sẽ làm riêng theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy); và các nội dung quản lý môi trường khác có liên quan.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát chất thải: Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 03 (ba) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao cần xây dựng kế hoạch và lộ trình lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 50m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000m³/h trở lên).

b. Giám sát môi trường xung quanh: Chỉ phải giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng liên quan đến hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện dự án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

c. Giám sát khác: Chỉ phải giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; và các nguồn gây tác động khác (nếu có) trong trường hợp tại khu vực hoạt động không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

4.3. Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và định kỳ gửi báo cáo về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo tối thiểu là 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

5. Cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường (nội dung bắt buộc)

Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

(địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 10**MẪU XÁC NHẬN ĐÃ PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

10.1. Đối với đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt

... (1) ... **xác nhận:** Đề án bảo vệ môi trường của “... (2) ...” được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

10.2. Đối với đề án bảo vệ môi trường được xác nhận

... (1) ... **xác nhận:** Đề án bảo vệ môi trường của “... (2) ...” được cấp Giấy xác nhận đăng ký số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có trách nhiệm xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hoặc xác nhận).

5. Xác nhận, đăng ký đề án bảo vệ môi trường đối với trường hợp lấy mẫu phân tích chất thải để kiểm chứng

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung kịp thời.

* Bước 3: Trường hợp hồ sơ đề án bảo vệ môi trường, cần bổ sung, hoàn chỉnh, tổ chức, cá nhân phải tiến hành việc chỉnh sửa theo kết luận của đoàn kiểm tra. Sau khi hoàn chỉnh nộp cho cơ quan xác nhận gồm ba (03) bản và kèm theo một (01) bản được ghi trên đĩa CD. Thời gian hoàn chỉnh đề án bảo vệ môi trường không tính vào thời gian xác nhận.

* Bước 4: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận để (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường (theo mẫu) (01 bản);

+ Đề án bảo vệ môi trường đóng thành quyển (theo mẫu) (03 bản);

+ Một trong các loại giấy tờ như: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác (01 bản sao)

+ Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt (đóng cuốn, có đầy đủ chữ ký của cá nhân, tổ chức và đóng dấu) (01 bản sao)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân có đất tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường

+ Bản đề án bảo vệ môi trường đóng thành quyển

+ Giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường và đóng dấu mặt sau trang phụ bì

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường. năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2006;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Sở Tài nguyên - Môi trường về việc thực hiện Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 3.**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT, XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của "... (2)..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ cơ sở/khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- Đề án bảo vệ môi trường (số lượng bản Đề án bằng tiếng Việt được quy định tại mục 2, phần II, Thông tư này);
- 01 (một) bản sao: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;
- Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: cơ sở/khu ... của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

PHỤ LỤC 4.**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ, IN HOA, KHÔNG ĐẬM)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ (IN HOA, ĐẬM)**

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**CỦA “CƠ SỞ/ KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ”**

CHỦ CƠ SỞ/KHU SX, KD, DV (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (*)
(nếu có)

(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên,
đóng dấu)

(Địa danh), tháng ... năm 200...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì

PHỤ LỤC 2.**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

Chương 1. Sơ lược về tình hình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**1. Các thông tin chung:**

Nêu chi tiết: Tên cơ sở; Địa chỉ; tọa độ địa lý; Số điện thoại, Fax; Cơ quan chủ quản; Loại hình doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, nước ngoài, liên doanh...)

2. Tóm tắt quá trình và hiện trạng hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan đến: Loại hình sản xuất; Công nghệ sản xuất; Tình trạng thiết bị hiện nay (công nghệ mới, cũ, lạc hậu,...); Hóa chất sử dụng (chủng loại, khối lượng...); Nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nhiên liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (nước giếng khoan, nước bề mặt, nước máy,... m³/ngày); Sản phẩm và công suất hoạt động/công suất thiết kế; Năm đơn vị đi vào hoạt động; Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ đồ vị trí; Số lượng cán bộ công nhân viên sản xuất; Các thông tin khác (nếu có).

Chương 2. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính phát sinh từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Việc đo đạc, phân tích mẫu chất thải để lập đề án bảo vệ môi trường phải tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường và do đơn vị có chức năng và có phòng thí nghiệm môi trường thực hiện. Đối với các địa phương có phòng thí nghiệm môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế theo ISO/IEC 17025, VILAS hoặc QUARCT thì sử dụng các phòng thí nghiệm này để đảm bảo tính chính xác của số liệu quan trắc.

1. Đối với nước thải:

Nêu chi tiết về hiện trạng xả, thải: lượng nước thải (m³/ngày), nguồn phát sinh, nguồn tiếp nhận nước thải, hệ thống xử lý nước thải (quy trình công nghệ, công suất thiết kế,...), kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Nếu cơ sở thải nước thải vào ao, hồ không chống thấm trong khuôn viên hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì lấy mẫu nước thải trước khi xả vào ao hồ đó để đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn thải. Đồng thời lấy mẫu tại các ao, hồ tiếp nhận nước thải đó để đánh giá mức độ gây ô nhiễm đối với môi trường của nguồn thải.

2. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thống kê đầy đủ các loại chất thải gồm:

- Các loại chất thải rắn: chủng loại, khối lượng: công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; các biện pháp xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Các loại chất thải nguy hại: chủng loại, số lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; các biện pháp xử lý khác (nếu có).

3. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Các nguồn phát sinh khí thải và các biện pháp xử lý khí thải:

Kết quả phân tích nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Các nguồn thải khác (nếu có)

Việc đánh giá kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường quy định tại các mục 1, 2, 3 và 4 Chương 4 đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Chương 3. Các giải pháp tổng thể, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện trong quá trình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường sẽ thực hiện bổ sung và kế hoạch xây lắp hoặc lắp đặt công trình xử lý đó (nếu có hoặc phát sinh chất thải gây ô nhiễm):

3.1. Hệ thống xử lý nước thải (có thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý nước thải nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý nước thải).

3.2. Hệ thống xử lý khí thải (có thiết kế hệ thống xử lý khí thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý khí thải nhằm đảm bảo quy chuẩn môi trường cho phép và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý khí thải).

3.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại. Kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn (theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn) và chất thải nguy hại (theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (có thiết kế hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung hoặc thiết bị, công trình hợp khối để giảm thiểu tiếng ồn độ rung và kế hoạch thực hiện; các trang bị bảo hộ lao động...);

3.5. Kế hoạch ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu nếu có (theo quy định tại Quyết định 103/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó dầu tràn).

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Tùy theo quy mô, loại hình sản xuất của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chương trình quản lý môi trường sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể:

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, bao gồm: tổ chức và nhân sự cho quản lý môi trường; quản lý chất thải, kể cả chất thải nguy hại; phòng, chống sự cố môi trường (trừ nội dung về phòng cháy, chữa cháy sẽ làm riêng theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy); và các nội dung quản lý môi trường khác có liên quan.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát chất thải: Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 03 (ba) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao cần xây dựng kế hoạch và lộ trình lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 50m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000m³/h trở lên).

b. Giám sát môi trường xung quanh: Chỉ phải giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng liên quan đến hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện dự án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

c. Giám sát khác: Chỉ phải giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; và các nguồn gây tác động khác (nếu có) trong trường hợp tại khu vực hoạt động không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

4.3. Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và định kỳ gửi báo cáo về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo tối thiểu là 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

5. Cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường (nội dung bắt buộc)

Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

(địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 10**MẪU XÁC NHẬN ĐÃ PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

10.1. Đối với đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt

... (1) ... **xác nhận:** Đề án bảo vệ môi trường của “... (2) ...” được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

10.2. Đối với đề án bảo vệ môi trường được xác nhận

... (1) ... **xác nhận:** Đề án bảo vệ môi trường của “... (2) ...” được cấp Giấy xác nhận đăng ký số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng cơ quan xác nhận
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có trách nhiệm xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hoặc xác nhận).

6. Xác nhận việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy hàng tuần)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường theo mẫu theo mẫu (01 bản);

+ Báo cáo hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận theo mẫu (03 bản);

+ Kết quả phân tích mẫu chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải do tổ chức, cá nhân thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kết quả (03 bộ).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân có đất tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường

+ Báo cáo hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận

+ Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường các trường hợp đạt yêu cầu sau kiểm tra thực tế

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

Phụ lục 12.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN
(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận hoàn thành
các nội dung đề án bảo vệ môi
trường của "... (2) ..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ cơ sở/khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- a. Ba (03) báo cáo việc hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.
- b. Ba (03) bộ kết quả phân tích mẫu chất thải sau xử lý.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường và các số liệu, tài liệu trong các văn bản đưa trình và cam kết rằng: cơ sở/khu ... của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, pháp lý của hồ sơ. Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... kiểm tra, xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Phụ lục 13.**MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
VỀ VIỆC HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN
của "... (2) ..."

1. Tên cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tập trung:

Địa điểm hoạt động:

Địa chỉ liên hệ:...

Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

2. Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ quản (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: ...

Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

3. Tên cơ quan được thuê đo đạc, phân tích về môi trường: (nếu có)

Địa chỉ liên hệ: ...

Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

4. Thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu:**5. Thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng****6. Kết quả vận hành các công trình xử lý về môi trường****6.1. Công trình xử lý chất thải khí** (trình bày theo mẫu bảng dưới đây):**6.2. Công trình xử lý chất thải lỏng** (trình bày theo mẫu bảng dưới đây):

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích (**); Tiêu chuẩn/Quy chuẩn đối chiếu	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Hàm lượng thải đối với những thông số ô nhiễm đặc trưng (*) cho Dự án		
		Thông số A (Đơn vị tính)	Thông số B (Đơn vị tính)	v.v...
Lần 1				
Lần 2				
Lần 3				
TCVN/QCVN.....				

Ghi chú:

(*) Thông số ô nhiễm đặc trưng được thải ra từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tập trung (theo TCVN bắt buộc áp dụng hoặc QCVN tương ứng)

(**) Số lần đo đạc, lấy mẫu tối thiểu là 03 (ba) lần vào những khoảng thời gian khác nhau trong điều kiện hoạt động bình thường để bảo đảm xem xét, đánh giá về tính đại diện và ổn định của chất thải.

6.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Kết quả được trình bày dựa theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải rắn nguy hại (Chất thải nguy hại thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

6.4. Các công trình xử lý môi trường khác (nếu có)

7. Kết quả thực hiện các nội dung khác về bảo vệ môi trường

(Kết quả được trình bày dựa theo những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận).

8. Cam kết

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- ... (3) ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu ...

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường;
- (4) Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Phụ lục 14.**MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ
ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN
của "... (2) ..."

... (3) ... XÁC NHẬN

Điều 1. ... (2) ... đã thực hiện đầy đủ các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận tại Quyết định/Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (1).. về việc phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường của "... (2) ...".

Điều 2. "... (2) ..." có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, quan trắc tác động môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận trong quá trình hoạt động. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải, khí thải sau xử lý theo cam kết trong đề án bảo vệ môi trường (nếu có). Lập nhật ký theo dõi vận hành đối với các công trình xử lý chất thải, bao gồm các thông số: chi phí điện năng, hóa chất, vật tư và những biến động bất thường xảy ra, xuất trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi có yêu cầu. Lập hồ sơ quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

3. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời khi có bất kỳ sự cố môi trường hay trục trặc nào xảy ra và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để chỉ đạo và hỗ trợ.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

... (3) ...

- Chủ cơ sở (2);

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu ...

Ghi chú: (1) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận; (2) Tên của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; (3) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

7. Xác nhận việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại hoặc bổ sung cho kịp thời

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu và sáng thứ bảy)

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Báo cáo về việc hoàn thành các nội dung của Bản cam kết bảo vệ môi trường (02 bản).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác (01 bản sao)

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình xử lý bảo vệ môi trường (01 bộ).

+ Giấy phép môi trường liên quan: sổ quản lý chủ nguồn thải; hợp đồng thu gom chất thải (nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại); giấy phép khai thác nước dưới đất (nếu có)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân có đất tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

8. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của khu vực sản xuất kinh doanh dịch vụ và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ đã hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận bản đăng ký tiêu chuẩn môi trường

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện (trong giờ hành chính vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

Chuyên viên kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

• Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ ghi biên nhận cho người nộp.

• Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện (trong giờ hành chính vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường theo mẫu (01 bản)

+ Đề án bảo vệ môi trường được đóng thành quyển theo mẫu (03 bản).

+ Một trong các loại giấy: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (01 bản sao)

+ Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản sao) (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 03 bộ

- Thời hạn giải quyết: Tối đa là mười lăm (15) ngày làm việc; trường hợp phải lấy mẫu phân tích kiểm chứng thì thời hạn tối đa là không quá hai mươi (20) ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế quận - huyện; Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi có cơ sở kinh doanh.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường

+ Cấu trúc và yêu cầu về nội dung đề án bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền xác nhận

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Thông tư 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 3.
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT, XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của “... (2)...”

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ cơ sở/khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- Đề án bảo vệ môi trường (số lượng bản Đề án bằng tiếng Việt được quy định tại mục 2, phần II, Thông tư này);
- 01 (một) bản sao: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;
- Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: cơ sở/khu ... của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

PHỤ LỤC 2.**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

Chương 1. Sơ lược về tình hình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**1. Các thông tin chung:**

Nêu chi tiết: Tên cơ sở; Địa chỉ; tọa độ địa lý; Số điện thoại, Fax; Cơ quan chủ quản; Loại hình doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, nước ngoài, liên doanh...)

2. Tóm tắt quá trình và hiện trạng hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan đến: Loại hình sản xuất; Công nghệ sản xuất; Tình trạng thiết bị hiện nay (công nghệ mới, cũ, lạc hậu,...); Hóa chất sử dụng (chủng loại, khối lượng...); Nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nhiên liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (nước giếng khoan, nước bề mặt, nước máy,... m³/ngày); Sản phẩm và công suất hoạt động/công suất thiết kế; Năm đơn vị đi vào hoạt động; Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ đồ vị trí; Số lượng cán bộ công nhân viên sản xuất; Các thông tin khác (nếu có).

Chương 2. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính phát sinh từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Việc đo đạc, phân tích mẫu chất thải để lập đề án bảo vệ môi trường phải tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường và do đơn vị có chức năng và có phòng thí nghiệm môi trường thực hiện. Đối với các địa phương có phòng thí nghiệm môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế theo ISO/IEC 17025, VILAS hoặc QUARCT thì sử dụng các phòng thí nghiệm này để đảm bảo tính chính xác của số liệu quan trắc.

1. Đối với nước thải:

Nêu chi tiết về hiện trạng xả, thải: lượng nước thải (m³/ngày), nguồn phát sinh, nguồn tiếp nhận nước thải, hệ thống xử lý nước thải (quy trình công nghệ, công suất thiết kế,...), kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Nếu cơ sở thải nước thải vào ao, hồ không chống thấm trong khuôn viên hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì lấy mẫu nước thải trước khi xả vào ao hồ đó để đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn thải. Đồng thời lấy mẫu tại các ao, hồ tiếp nhận nước thải đó để đánh giá mức độ gây ô nhiễm đối với môi trường của nguồn thải.

2. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thống kê đầy đủ các loại chất thải gồm:

- Các loại chất thải rắn: chủng loại, khối lượng: công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; các biện pháp xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Các loại chất thải nguy hại: chủng loại, số lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; các biện pháp xử lý khác (nếu có).

3. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Các nguồn phát sinh khí thải và các biện pháp xử lý khí thải:

Kết quả phân tích nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Các nguồn thải khác (nếu có)

Việc đánh giá kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường quy định tại các mục 1, 2, 3 và 4 Chương 4 đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Chương 3. Các giải pháp tổng thể, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện trong quá trình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường sẽ thực hiện bổ sung và kế hoạch xây lắp hoặc lắp đặt công trình xử lý đó (nếu có hoặc phát sinh chất thải gây ô nhiễm):

3.1. Hệ thống xử lý nước thải (có thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý nước thải nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý nước thải).

3.2. Hệ thống xử lý khí thải (có thiết kế hệ thống xử lý khí thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý khí thải nhằm đảm bảo quy chuẩn môi trường cho phép và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý khí thải).

3.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại. Kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn (theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn) và chất thải nguy hại (theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (có thiết kế hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung hoặc thiết bị, công trình hợp khối để giảm thiểu tiếng ồn độ rung và kế hoạch thực hiện; các trang bị bảo hộ lao động...);

3.5. Kế hoạch ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu nếu có (theo quy định tại Quyết định 103/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó dầu tràn).

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Tùy theo quy mô, loại hình sản xuất của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chương trình quản lý môi trường sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể:

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, bao gồm: tổ chức và nhân sự cho quản lý môi trường; quản lý chất thải, kể cả chất thải nguy hại; phòng, chống sự cố môi trường (trừ nội dung về phòng cháy, chữa cháy sẽ làm riêng theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy); và các nội dung quản lý môi trường khác có liên quan.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát chất thải: Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 03 (ba) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao cần xây dựng kế hoạch và lộ trình lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 50m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000m³/h trở lên).

b. Giám sát môi trường xung quanh: Chỉ phải giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng liên quan đến hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện dự án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

c. Giám sát khác: Chỉ phải giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; và các nguồn gây tác động khác (nếu có) trong trường hợp tại khu vực hoạt động không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

4.3. Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và định kỳ gửi báo cáo về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo tối thiểu là 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

5. Cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường (nội dung bắt buộc)

Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

(địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

9. Xác nhận đề án bảo vệ môi trường

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện, (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường theo mẫu (01 bản);

+ Đề án bảo vệ môi trường được lập đúng cấu trúc và yêu cầu về nội dung đề án bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT, được đóng thành quyển theo mẫu trang bìa và phụ bìa quy định, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của tổ chức, cá nhân và đóng dấu ở trang phụ bìa (03 bản).

+ Bản sao của một trong các loại giấy tờ như: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác (01 bản).

+ Bản sao báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt (đóng cuốn, có đầy đủ chữ ký của cá nhân, tổ chức và đóng dấu) (01 bản)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lấy mẫu kiểm chứng trong trường hợp cần thiết).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

* Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận - huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân tọa lạc.

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí (nếu có): không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường

+ Bản đề án bảo vệ môi trường

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

* Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

* Công văn số 9027/TNMT-QLMT ngày 04 tháng 11 năm 2008 bổ sung tên cơ quan ban hành văn bản này về việc thực hiện Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

* Thông báo số 690/TB-TNMT-QLMT ngày 02 tháng 02 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và việc xác nhận hoàn thành hạng mục công trình xử lý, bảo vệ môi trường đối với cơ sở, khu sản xuất, thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC 3.
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT, XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của “... (2)...”

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ cơ sở/khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... những hồ sơ sau:

- Đề án bảo vệ môi trường (số lượng bản Đề án bằng tiếng Việt được quy định tại mục 2, phần II, Thông tư này);
- 01 (một) bản sao: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;
- Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: cơ sở/khu ... của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

... (4) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

PHỤ LỤC 4.**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ, IN HOA, KHÔNG ĐẬM)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ (IN HOA, ĐẬM)**

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỦA “CƠ SỞ/ KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ”

CHỦ CƠ SỞ/KHU SX, KD, DV (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (*)
(nếu có)

(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên,
đóng dấu)

(Địa danh), tháng ... năm 20...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì

PHỤ LỤC 2.**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

Chương 1. Sơ lược về tình hình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**1. Các thông tin chung:**

Nêu chi tiết: Tên cơ sở; Địa chỉ; toạ độ địa lý; Số điện thoại, Fax; Cơ quan chủ quản; Loại hình doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, nước ngoài, liên doanh...)

2. Tóm tắt quá trình và hiện trạng hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan đến: Loại hình sản xuất; Công nghệ sản xuất; Tình trạng thiết bị hiện nay (công nghệ mới, cũ, lạc hậu,...); Hóa chất sử dụng (chủng loại, khối lượng...); Nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nhiên liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (nước giếng khoan, nước bề mặt, nước máy,... m³/ngày); Sản phẩm và công suất hoạt động/công suất thiết kế; Năm đơn vị đi vào hoạt động; Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ đồ vị trí; Số lượng cán bộ công nhân viên sản xuất; Các thông tin khác (nếu có).

Chương 2. Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính phát sinh từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Việc đo đạc, phân tích mẫu chất thải để lập đề án bảo vệ môi trường phải tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường và do đơn vị có chức năng và có phòng thí nghiệm môi trường thực hiện. Đối với các địa phương có phòng thí nghiệm môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế theo ISO/IEC 17025, VILAS hoặc QUARCT thì sử dụng các phòng thí nghiệm này để đảm bảo tính chính xác của số liệu quan trắc.

1. Đối với nước thải:

Nêu chi tiết về hiện trạng xả, thải: lượng nước thải (m³/ngày), nguồn phát sinh, nguồn tiếp nhận nước thải, hệ thống xử lý nước thải (quy trình công nghệ, công suất thiết kế,...), kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Nếu cơ sở thải nước thải vào ao, hồ không chống thấm trong khuôn viên hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì lấy mẫu nước thải trước khi xả vào ao hồ đó để đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn thải. Đồng thời lấy mẫu tại các ao, hồ tiếp nhận nước thải đó để đánh giá mức độ gây ô nhiễm đối với môi trường của nguồn thải.

2. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thống kê đầy đủ các loại chất thải gồm:

- Các loại chất thải rắn: chủng loại, khối lượng: công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; các biện pháp xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Các loại chất thải nguy hại: chủng loại, số lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; các biện pháp xử lý khác (nếu có).

3. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Các nguồn phát sinh khí thải và các biện pháp xử lý khí thải:

Kết quả phân tích nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Các nguồn thải khác (nếu có)

Việc đánh giá kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường quy định tại các mục 1, 2, 3 và 4 Chương 4 đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Chương 3. Các giải pháp tổng thể, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện.

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện trong quá trình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường sẽ thực hiện bổ sung và kế hoạch xây lắp hoặc lắp đặt công trình xử lý đó (nếu có hoặc phát sinh chất thải gây ô nhiễm):

3.1. Hệ thống xử lý nước thải (có thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý nước thải nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý nước thải).

3.2. Hệ thống xử lý khí thải (có thiết kế hệ thống xử lý khí thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý khí thải nhằm đảm bảo quy chuẩn môi trường cho phép và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý khí thải).

3.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại. Kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn (theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn) và chất thải nguy hại (theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (có thiết kế hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung hoặc thiết bị, công trình hợp khối để giảm thiểu tiếng ồn độ rung và kế hoạch thực hiện; các trang bị bảo hộ lao động...);

3.5. Kế hoạch ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu nếu có (theo quy định tại Quyết định 103/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó dầu tràn).

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Tùy theo quy mô, loại hình sản xuất của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chương trình quản lý môi trường sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể:

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, bao gồm: tổ chức và nhân sự cho quản lý môi trường; quản lý chất thải, kể cả chất thải nguy hại; phòng, chống sự cố môi trường (trừ nội dung về phòng cháy, chữa cháy sẽ làm riêng theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy); và các nội dung quản lý môi trường khác có liên quan.

4.2. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát chất thải: Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 03 (ba) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao cần xây dựng kế hoạch và lộ trình lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 50m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000m³/h trở lên).

b. Giám sát môi trường xung quanh: Chỉ phải giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng liên quan đến hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện dự án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

c. Giám sát khác: Chỉ phải giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; và các nguồn gây tác động khác (nếu có) trong trường hợp tại khu vực hoạt động không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

4.3. Chế độ báo cáo

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và định kỳ gửi báo cáo về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo tối thiểu là 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

5. Cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường (nội dung bắt buộc)

Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

(địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 110 + 111)